

**ĐẠI HỌC DUY TÂN**  
**TRUNG TÂM TIN HỌC DUY TÂN**

**DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT 1 THÁNG 09/2026**  
**CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO**  
**MÔN THI: KIẾN THỨC CHUNG**

Thời gian : 13h00 - 13/09/2026 - Phòng : 508 - Cơ sở: K7/25 Quang Trung

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN              | NGÀY SINH  | NƠI SINH   | LỚP    | DL BT | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ |
|----|-------------|------------------------|------------|------------|--------|-------|--------|--------|------|-----|---------|
|    |             |                        |            |            |        |       |        |        | SỐ   | CHỮ |         |
| 1  | 28207304827 | Hứa Thị Phương Diễm    | 17/03/2004 | Quảng Nam  | 32CBN3 |       |        |        |      |     |         |
| 2  | 28219401037 | Huỳnh Trần Trung Dũng  | 09/03/2004 | Bình Định  | 32CBN3 |       |        |        |      |     |         |
| 3  | 28217347688 | Nguyễn Khánh Duy       | 14/06/2004 | Đà Nẵng    | 32CBN3 |       |        |        |      |     |         |
| 4  | 30207142856 | Phan Thị Duyên         | 30/03/2006 | Đà Nẵng    | 32CBN3 |       |        |        |      |     |         |
| 5  | 28207303154 | Phạm Nguyễn Thảo Hân   | 13/04/2004 | Bình Định  | 32CBN3 |       |        |        |      |     |         |
| 6  | 30204963902 | Nguyễn Thị Thanh Hằng  | 16/11/2006 | Quảng Nam  | 32CBN3 |       |        |        |      |     |         |
| 7  | 30205064204 | Trịnh Thị Bích Hợp     | 27/01/2006 | Quảng Nam  | 32CBN3 |       |        |        |      |     |         |
| 8  | 28207301997 | Trần Khánh Linh        | 21/08/2004 | Gia Lai    | 32CBN3 |       |        |        |      |     |         |
| 9  | 30206754965 | Trần Thị Quỳnh Như     | 24/08/2006 | Quảng Nam  | 32CBN3 |       |        |        |      |     |         |
| 10 | 28204841034 | Trần Bảo Quỳnh         | 31/05/2004 | Quảng Nam  | 32CBN3 |       |        |        |      |     |         |
| 11 | 28207354469 | Trần Ngọc Quỳnh Thương | 24/09/2004 | Quảng Ngãi | 32CBN3 |       |        |        |      |     |         |
| 12 | 27215354169 | Nguyễn Thu Trà         | 12/08/2003 | Hà Nội     | 32CBN3 |       |        |        |      |     |         |
| 13 | 28207445783 | Ngô Thị Bảo Trâm       | 20/01/2004 | Quảng Nam  | 32CBN3 |       |        |        |      |     |         |
| 14 | 27203124773 | Trần Bùi Trà My        | 17/01/2003 | Quảng Ngãi | 29CBN4 |       |        |        |      |     | Học lại |
| 15 | 28214741629 | Trần Thiện Tâm         | 20/09/2004 | Quảng Nam  | 31THT4 |       |        |        |      |     | Học lại |

Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....

LẬP BẢNG

GIÁM THỊ 1, 2, 3

GIÁM KHẢO 1, 2

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

**ĐẠI HỌC DUY TÂN**  
**TRUNG TÂM TIN HỌC DUY TÂN**

**DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT 1 THÁNG 09/2026**  
**CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO**  
**MÔN THI: KIẾN THỨC CHUNG**

*Thời gian : 13h00 - 13/09/2026 - Phòng : 609 - Cơ sở: K7/25 Quang Trung*

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN            | NGÀY SINH  | NƠI SINH   | LỚP    | DL BT | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ |
|----|-------------|----------------------|------------|------------|--------|-------|--------|--------|------|-----|---------|
|    |             |                      |            |            |        |       |        |        | SỐ   | CHỮ |         |
| 1  | 30206554802 | Phạm Thị Ngọc Trâm   | 06/11/2006 | Quảng Trị  | 32CBN3 |       |        |        |      |     |         |
| 2  | 30205060693 | Lê Hà Uyên           | 17/10/2006 | Quảng Nam  | 32CBN3 |       |        |        |      |     |         |
| 3  | 30206554837 | Lê Nguyễn Thảo Vân   | 03/07/2006 | Đà Nẵng    | 32CBN3 |       |        |        |      |     |         |
| 4  | 28207305422 | Trương Lê Khánh Vy   | 15/03/2004 | Đà Nẵng    | 32CBN3 |       |        |        |      |     |         |
| 5  | 30204355574 | Nguyễn Ngọc Tường Vy | 17/02/2006 | Đà Nẵng    | 32CBN3 |       |        |        |      |     |         |
| 6  | 28207354440 | Nguyễn Thị Bình      | 12/06/2004 | Bình Định  | 32CYC3 |       |        |        |      |     |         |
| 7  | 28218151531 | Phan Hoàng Đức       | 26/09/2004 | Quảng Nam  | 32CYC3 |       |        |        |      |     |         |
| 8  | 30204956139 | Đỗ Thị Thùy Duyên    | 05/10/2006 | Quảng Nam  | 32CYC3 |       |        |        |      |     |         |
| 9  | 28207202210 | Nguyễn Lê Phương Hoa | 05/05/2004 | Phú Yên    | 32CYC3 |       |        |        |      |     |         |
| 10 | 28212200957 | Nguyễn Vũ Hoàng      | 17/01/2004 | Quảng Nam  | 32CYC3 |       |        |        |      |     |         |
| 11 | 27215351801 | Nguyễn Tiến Khải     | 19/10/2003 | Phú Yên    | 32CYC3 |       |        |        |      |     |         |
| 12 | 28212248299 | Lê Vũ Long           | 31/01/2004 | Gia Lai    | 32CYC3 |       |        |        |      |     |         |
| 13 | 30206229765 | Phạm Thị Nhung       | 25/10/2006 | Quảng Ngãi | 32CYC3 |       |        |        |      |     |         |
| 14 | 28212204195 | Nguyễn Nhật Phi      | 25/04/2004 | Kon Tum    | 32CYC3 |       |        |        |      |     |         |
| 15 | 28219405077 | Đoàn Tấn Quốc        | 20/10/2004 | Quảng Nam  | 32CYC3 |       |        |        |      |     |         |
| 16 | 28212201573 | Trần Chí Sang        | 11/06/2004 | Bình Định  | 32CYC3 |       |        |        |      |     |         |
| 17 | 28212301873 | Cao Quốc Toàn        | 07/01/2004 | Đắk Lắk    | 32CHT2 |       |        |        |      |     | Thi lại |
| 18 | 29204849520 | Nguyễn Trần Quỳnh My | 31/07/2005 | Quảng Ngãi | 32CHT3 |       |        |        |      |     | Thi lại |

*Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....*

**LẬP BẢNG**

**GIÁM THỊ 1, 2, 3**

**GIÁM KHẢO 1, 2**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

**ĐẠI HỌC DUY TÂN**  
**TRUNG TÂM TIN HỌC DUY TÂN**

**DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT 1 THÁNG 09/2026**  
**CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO**  
**MÔN THI: KIẾN THỨC CHUNG**

*Thời gian : 13h00 - 13/09/2026 - Phòng : 610 - Cơ sở: K7/25 Quang Trung*

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN            | NGÀY SINH  | NƠI SINH       | LỚP    | DL BT | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ |
|----|-------------|----------------------|------------|----------------|--------|-------|--------|--------|------|-----|---------|
|    |             |                      |            |                |        |       |        |        | SỐ   | CHỮ |         |
| 1  | 28212251427 | Đỗ Ngọc Thanh        | 11/10/2004 | Quảng Ngãi     | 32CYC3 |       |        |        |      |     |         |
| 2  | 28212205063 | Phan Đức Thọ         | 16/06/2004 | Đà Nẵng        | 32CYC3 |       |        |        |      |     |         |
| 3  | 28212345428 | Lê Minh Thông        | 20/04/2004 | Quảng Nam      | 32CYC3 |       |        |        |      |     |         |
| 4  | 30214655822 | Dương Đình Nhật Tiến | 17/01/2006 | Quảng Trị      | 32CYC3 |       |        |        |      |     |         |
| 5  | 28217348255 | Phạm Hoàng Trung     | 14/09/2003 | Quảng Nam      | 32CYC3 |       |        |        |      |     |         |
| 6  | 30215056236 | Trần Quốc Tuấn       | 01/04/2006 | Quảng Bình     | 32CYC3 |       |        |        |      |     |         |
| 7  | 28207348156 | Đoàn Thị Thanh Vân   | 19/03/2004 | Lâm Đồng       | 32CYC3 |       |        |        |      |     |         |
| 8  | 29206563300 | Đặng Huỳnh Điều Vũ   | 15/08/2004 | Đà Nẵng        | 32CYC3 |       |        |        |      |     |         |
| 9  | 30202754271 | Lương Phương Vy      | 02/05/2006 | Đà Nẵng        | 32CYC3 |       |        |        |      |     |         |
| 10 | 28202705514 | Nguyễn Thị Hồng Hải  | 07/07/2004 | Quảng Nam      | 32SBN4 |       |        |        |      |     |         |
| 11 | 28202700889 | Nguyễn Lệ Thu Hằng   | 30/03/2004 | Thừa Thiên Huế | 32SBN4 |       |        |        |      |     |         |
| 12 | 28202706783 | Dương Thị Ly Ly      | 27/08/2004 | Quảng Nam      | 32SBN4 |       |        |        |      |     |         |
| 13 | 30212521299 | Nguyễn Tấn Dũng      | 07/08/2006 | Đà Nẵng        | 32TSC5 |       |        |        |      |     |         |
| 14 | 28217345183 | Hoàng Tấn Duy        | 22/08/2004 | Đà Nẵng        | 32TSC5 |       |        |        |      |     |         |
| 15 | 28207402798 | Đạo Tuyết Kỳ Duyên   | 19/05/2004 | Ninh Thuận     | 32TSC5 |       |        |        |      |     |         |
| 16 | 29206558409 | Nguyễn Thị Kim Hà    | 06/03/2005 | Quảng Nam      | 32TSC5 |       |        |        |      |     |         |
| 17 | 28217451721 | Lê Công Hào          | 09/06/2004 | Đà Nẵng        | 32TSC5 |       |        |        |      |     |         |
| 18 | 28211150934 | Hồ Xuân Trung        | 01/05/2004 | Đà Nẵng        | 32SBN2 |       |        |        |      |     | Thi lại |
| 19 | 26207130903 | Trần Thị Như Ngọc    | 11/09/2002 | Đà Nẵng        | 32TSC3 |       |        |        |      |     | Thi lại |

*Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....*

**LẬP BẢNG**

**GIÁM THI 1, 2, 3**

**GIÁM KHẢO 1, 2**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

**ĐẠI HỌC DUY TÂN**  
**TRUNG TÂM TIN HỌC DUY TÂN**

**DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT 1 THÁNG 09/2026**  
**CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO**  
**MÔN THI: KIẾN THỨC CHUNG**

*Thời gian : 13h00 - 13/09/2026 - Phòng : 623 - Cơ sở: K7/25 Quang Trung*

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN       | NGÀY SINH | NƠI SINH   | LỚP        | DL BT  | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ |
|----|-------------|-----------------|-----------|------------|------------|--------|--------|--------|------|-----|---------|
|    |             |                 |           |            |            |        |        |        | SỐ   | CHỮ |         |
| 1  | 28217347206 | Trần Châu Minh  | Hoàng     | 28/09/2004 | Kiên Giang | 32TSC5 |        |        |      |     |         |
| 2  | 29215053894 | Đặng Trịnh Huy  | Hoàng     | 03/10/2005 | Đắk Lắk    | 32TSC5 |        |        |      |     |         |
| 3  | 28217252023 | Nguyễn Huy      | Hung      | 21/10/2004 | Hà Tĩnh    | 32TSC5 |        |        |      |     |         |
| 4  | 28206801174 | Nguyễn Ngọc     | Hương     | 14/07/2003 | Đà Nẵng    | 32TSC5 |        |        |      |     |         |
| 5  | 28207452556 | Trần Sông       | Hương     | 30/01/2003 | Đồng Nai   | 32TSC5 |        |        |      |     |         |
| 6  | 27215333328 | Nguyễn Mạnh     | Huy       | 01/11/2003 | Nghệ An    | 32TSC5 |        |        |      |     |         |
| 7  | 28207447648 | Lê Thị Thanh    | Huyền     | 02/05/2004 | Lâm Đồng   | 32TSC5 |        |        |      |     |         |
| 8  | 28202700822 | Nguyễn Thị Thu  | Kiều      | 17/09/2004 | Quảng Trị  | 32TSC5 |        |        |      |     |         |
| 9  | 28207332888 | Thái Bảo        | Linh      | 23/04/2004 | Khánh Hòa  | 32TSC5 |        |        |      |     |         |
| 10 | 27205426885 | Cao Thị Ly      | Ly        | 23/07/2002 | Quảng Ngãi | 32TSC5 |        |        |      |     |         |
| 11 | 28212304608 | Nguyễn Bá Trung | Nam       | 24/02/2004 | Thái Bình  | 32TSC5 |        |        |      |     |         |
| 12 | 28204934334 | Trần Hiếu       | Ngân      | 19/06/2003 | Quảng Bình | 32TSC5 |        |        |      |     |         |
| 13 | 28207354764 | Lê Thị Bích     | Ngọc      | 04/01/2005 | Thanh Hóa  | 32TSC5 |        |        |      |     |         |
| 14 | 28207452607 | Nguyễn Mai      | Nguyễn    | 15/05/2003 | Gia Lai    | 32TSC5 |        |        |      |     |         |
| 15 | 29219020052 | Phạm Văn        | Nhật      | 03/09/2005 | Quảng Nam  | 32TSC5 |        |        |      |     |         |
| 16 | 29209530212 | Phạm Thị Yến    | Nhi       | 15/09/2005 | Quảng Nam  | 32TSC5 |        |        |      |     |         |
| 17 | 29208149783 | Trịnh Thị Bình  | Quy       | 30/11/2005 | Quảng Bình | 32TSC5 |        |        |      |     |         |
| 18 | 31204159091 | Nguyễn Thị Hồng | Quyên     | 13/10/2007 | Gia Lai    | 32TSC5 |        |        |      |     |         |
| 19 | 28212933304 | Trần Hữu        | Thịnh     | 09/07/2004 | Đà Nẵng    | 32TSC5 |        |        |      |     |         |
| 20 | 28202701154 | Huỳnh Ngọc Minh | Thư       | 15/12/2004 | Đà Nẵng    | 32TSC5 |        |        |      |     |         |
| 21 | 29204956855 | Nguyễn Thị Cẩm  | Vy        | 13/08/2005 | Quảng Nam  | 32TSC5 |        |        |      |     |         |
| 22 | 29209552066 | Nguyễn Thị Thảo | Vy        | 29/04/2005 | Đà Nẵng    | 32TSC5 |        |        |      |     |         |

*Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....*

**LẬP BẢNG**

**GIÁM THỊ 1, 2, 3**

**GIÁM KHẢO 1, 2**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**